

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính tỉnh Nghệ An năm 2023,**  
**nhiệm vụ, giải pháp năm 2024**

Năm 2023, phát huy những kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh thông qua thứ hạng các chỉ số liên quan (PAR INDEX, PAPI, SIPAS, PCI) do các tổ chức, cơ quan nhà nước ở Trung ương công bố, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các đồng chí Lãnh đạo tỉnh tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các Sở, ban, ngành; cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện có hiệu lực, hiệu quả công tác CCHC. Cùng với đó là sự quyết tâm chính trị, nỗ lực cao, có trách nhiệm của đa số Thủ trưởng các Sở, ban ngành và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và sự tham gia tích cực của người dân, cộng đồng doanh nghiệp trong việc thực hiện nên công tác CCHC của tỉnh trong năm 2023 có nhiều chuyển biến khá rõ nét, đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt**

*a) Việc thành lập Ban Chỉ đạo CCHC ở các ngành, các cấp*

- Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC, đồng thời huy động trí tuệ tập thể, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, UBND tỉnh đã tham mưu Ban Cán sự Đảng trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo<sup>1</sup>, Tổ giúp việc<sup>2</sup> Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh. Đồng thời, ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Ngay sau khi thành lập, Ban Chỉ đạo đã lựa chọn 07 đơn vị (04 Sở, ngành, 03 UBND cấp huyện)<sup>3</sup> để tập trung chỉ đạo điểm công tác CCHC trong năm 2023. Đến nay, Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh đã tổ chức 02 phiên họp để nghe và cho ý kiến chỉ đạo nhằm tập trung tháo gỡ những điểm nghẽn, nút thắt trong công tác CCHC của tỉnh;

- Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo CCHC của cơ quan, đơn vị do người đứng đầu cấp ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

<sup>1</sup> Quyết định số 1830-QĐ/TU ngày 06/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

<sup>2</sup> Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 06/3/2023 của Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh;

<sup>3</sup> Các Sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; UBND thành phố Vinh và UBND các huyện: Nghi Lộc, Diễn Châu;



b) Công tác tham mưu ban hành chương trình kế hoạch CCHC và các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CCHC

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2023, theo đó, đề ra 08 mục tiêu, 41 nhiệm vụ, 06 nhóm giải pháp triển khai thực hiện. Đồng thời, lựa chọn chủ đề CCHC của năm đó là: “*Thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức - Kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm và hiệu quả*” để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Tính đến ngày 10/11, đã có 37/41 nhiệm vụ được hoàn thành, đạt tỷ lệ 90%. Cùng với việc ban hành kế hoạch của tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương, chủ động ban hành các Chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, các giải pháp về công tác CCHC. Các chương trình kế hoạch CCHC của tỉnh, của các ngành, các cấp được xây dựng và thực hiện tốt với phương châm 5 rõ “**Rõ nội dung công việc, rõ bộ phận tham mưu, Rõ cá nhân lãnh đạo chỉ đạo, rõ thời gian hoàn thành, rõ sản phẩm công việc**”;

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 33<sup>4</sup> văn bản liên quan đến CCHC để chỉ đạo triển khai một cách toàn diện, sâu rộng, đầy đủ, kịp thời các nội dung CCHC. Bên cạnh đó, Sở Nội vụ - Cơ quan Thường trực của tỉnh cũng đã ban hành một số văn bản đôn đốc các ngành, các cấp chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác CCHC<sup>5</sup>;

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định công bố chỉ số và xếp hạng CCHC năm 2022 cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện<sup>6</sup>; Quyết định phê duyệt kết quả xếp hạng năng lực cạnh tranh các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương cấp huyện (DDCI) năm 2022 theo Bộ chỉ số mới được ban hành<sup>7</sup>; Để chuẩn bị cho công tác chấm điểm, xếp hạng CCHC năm 2023, căn cứ Quyết định 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2030” và tình hình thực tiễn của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 quy định đánh giá, xếp hạng công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh<sup>8</sup>.

c) Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu

<sup>4</sup> Có danh mục hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành kèm theo.

<sup>5</sup> Công văn 171/SNV-CCHC ngày 27/01/2023 đôn đốc các ngành, các cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về công tác CCHC năm 2023; Công văn số 1131/CCHC-SNV ngày 10/5/2023 hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng chế độ báo cáo CCHC định kỳ; Công văn số 437/SNV-CCHC v/v lập dự toán kinh phí đề xuất hỗ trợ công tác CCHC, Công văn hướng dẫn điều tra xã hội học chấm điểm CCHC năm 2023...;

<sup>6</sup> Ngày 18/4/2023, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 1048/QĐ-UBND về phê duyệt kết quả chỉ số và xếp hạng cải cách hành chính các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã năm 2022.

<sup>7</sup> UBND tỉnh đã có Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 về việc phê duyệt Báo cáo phương pháp luận và ban hành Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã tỉnh Nghệ An;

<sup>8</sup> UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 20/2023/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 bãi bỏ Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.



- Tại các phiên họp UBND tỉnh thường kỳ hàng tháng, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo, quán triệt và đặt ra yêu cầu đối với các ngành, các địa phương về tăng cường đẩy mạnh CCHC, tập trung chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý, giải quyết công việc, cương quyết xử lý những trường hợp có dư luận không tốt trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp;

- Ngay từ đầu năm, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định thành lập các Tổ công tác đặc biệt của UBND tỉnh do các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng để chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xác định nguyên nhân, đề ra giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt trong công tác CCHC nói chung, cải cách TTHC nói riêng;

- Vào ngày 05 và ngày 15 hàng tháng, Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch UBND tỉnh đều xếp lịch tiếp công dân, từ đó những điểm nóng, những vấn đề bức xúc, nổi cộm ở cơ sở được nắm bắt và chỉ đạo giải quyết kịp thời;

- Tổ chức thành công Hội nghị đối thoại giữa Thường trực Tỉnh ủy với đội ngũ lãnh đạo quản lý cấp phòng và chuyên viên trong khối các cơ quan tỉnh với chủ đề **“Khát vọng - Trách nhiệm - Đổi mới - Phát triển”**; Với chủ đề **“Đoàn kết - Dân chủ - Sáng tạo - Phát triển”**, Thường trực Tỉnh ủy đã tổ chức chương trình gặp mặt, đối thoại giữa Thường trực Tỉnh ủy với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh với mục đích nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong việc xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, tạo sức mạnh tổng hợp nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Tổ chức gặp mặt, đối thoại giữa Chủ tịch UBND tỉnh với Thanh niên trên địa bàn tỉnh; Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Nghệ An tổ chức diễn đàn **“Lắng nghe tiếng nói Mặt trận cơ sở”**...

#### *d) Công tác tuyên truyền CCHC*

- Ngày 18/01/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND về tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2023. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Để công tác tuyên truyền được chủ động, có trọng tâm, trọng điểm, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành văn bản<sup>9</sup> gửi Báo Nghệ An, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đề nghị phối hợp tuyên truyền và định hướng nội dung tuyên truyền trong năm 2023;

- Công Thông tin điện tử; các cơ quan báo chí của tỉnh (*Báo Nghệ An, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh*) liên tục đăng tải, phát sóng các tin, bài, phóng sự<sup>10</sup> nhằm tuyên truyền nâng cao nhận của cán bộ, công chức, viên chức, người

<sup>9</sup> Công văn số 505/SNV-CCHC ngày 06/3/2023 của Sở Nội vụ.

<sup>10</sup> Một số tin, bài phóng sự tiêu biểu như: Nghệ An triển khai ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp; Nghệ An chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; Chủ tịch UBND tỉnh phát động toàn dân đăng ký, kích hoạt và sử dụng tài khoản định



lao động và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh về tầm quan trọng của công tác CCHC; Bản tin Thông báo Nội bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy liên tục đăng tải các bài viết mang tính định hướng, chỉ đạo, đưa tin các mô hình, cách làm hay về công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Năm 2023, tính đến ngày 10/11/2023, đã có 298 lượt tin/bài/phóng sự liên quan đến công tác CCHC của tỉnh được đăng tải, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương;

- UBND tỉnh đã tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về Cải cách hành chính” tỉnh Nghệ An năm 2023 để nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh về tầm quan trọng của công tác CCHC. Cuộc thi đã thu hút hơn 1,3 triệu lượt thi, tạo được sự lan tỏa, thu hút nhiều đối tượng thành phần tham gia, trở thành một đợt sinh hoạt chuyên đề về CCHC sâu rộng;

- Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp CCHC, các dịch vụ công trực tuyến bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền trên công/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, thông qua các hội nghị, hội thảo, đối thoại, cơ quan truyền thông...; Toàn tỉnh tập trung tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025, tính đến 2030; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị; văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của Bộ Nội vụ, của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh và của UBND tỉnh về CCHC...;

- Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch<sup>11</sup> và tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ CCHC cho cán bộ, công chức các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong năm 2023.

*e) Công tác kiểm tra CCHC; kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính*

- Triển khai Kế hoạch số 44/KH-ĐGS ngày 28/3/2023, Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An đã thực hiện Giám sát công tác CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2022. Đồng thời, tổ chức buổi làm việc với UBND tỉnh để công bố kết quả giám sát, từ đó, kiến nghị UBND tỉnh có các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế mà Đoàn giám sát đã chỉ ra; Trên cơ sở báo cáo kết luận số 168/BC-ĐGS ngày 28/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về "Công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2022", UBND tỉnh

danh điện tử (VNeID); Đẩy mạnh Cải cách hành chính trong tổ chức cơ sở Đảng; Nghệ An tăng cường cải cách hành chính trong thu hút đầu tư,...

<sup>11</sup> Kế hoạch số 353/KH-CCHC ngày 23/5/2023 của Sở Nội vụ;



đã ban hành Kế hoạch số 574/KH-UBND ngày 02/8/2023 để khắc phục các tồn tại, hạn chế theo Kết luận của Đoàn Giám sát;

- Từ ngày 06-08/10/2023, Đoàn kiểm tra công tác CCHC của Chính phủ kiểm tra công tác CCHC tại tỉnh Nghệ An, Sau khi kết thúc, Đoàn đã có những đánh giá cao về những chuyển biến trong công tác CCHC của tỉnh Nghệ An. Đồng thời chỉ ra 4 tồn tại, hạn chế đề nghị tỉnh sớm khắc phục. Căn cứ Thông báo kết luận số 37-TB/ĐKTCCHCCP ngày 19/10/2023 của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 835/KH-UBND ngày 02/11/2023 về khắc phục những tồn tại, hạn chế theo Kết luận của Đoàn kiểm tra;

- Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao, Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch số 92/SNV-CCHC ngày 11/01/2023 về kiểm tra CCHC năm 2023. Theo kế hoạch, trong năm Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra CCHC tại 14 đơn vị. Đến thời điểm hiện tại, đã kiểm tra 14/14 đơn vị và đã có thông báo kết luận, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra<sup>12</sup>;

- Theo thẩm quyền, 42/42 cơ quan, đơn vị (21 huyện thành thị, 21 Sở, ban, ngành cấp tỉnh) đã chủ động, tích cực triển khai công tác kiểm tra các đơn vị trực thuộc và tự kiểm tra công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị mình;

- Bên cạnh đó, để chấn chỉnh, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc, ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Đến nay, Đoàn kiểm tra của tỉnh đã tiến hành 15<sup>13</sup> cuộc kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính tại một số Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Sau kiểm tra, ban hành thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản gửi đơn vị được kiểm tra để chỉ đạo rút kinh nghiệm và khắc phục.

#### *g) Thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao*

Tính đến thời điểm báo cáo, các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, UBND tỉnh Nghệ An đều hoàn thành đúng tiến độ thời gian yêu cầu và đảm bảo chất lượng (169/169 nhiệm vụ).

## **2. Về thực hiện các nhiệm vụ trong chương trình CCHC**

### *a) Cải cách thể chế*

- Năm 2023, được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận tổ quốc, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở, công tác cải cách thể chế tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đã xây

<sup>12</sup> Sở Văn hóa và Thể thao, Ban Dân tộc, Sở Y tế, Sở Du lịch, Cục thuế tỉnh, Cục hải quan, Sở GDĐT, Thanh tra tỉnh, UBND các huyện: Tương Dương, Anh Sơn, Con Cuông, Đô Lương, Yên Thành

<sup>13</sup> Trung tâm dịch vụ Hành chính công; UBND Thành phố Vinh; UBND huyện Diễn Châu; UBND huyện Con Cuông; UBND huyện Đô Lương; UBND huyện Kỳ Sơn; UBND huyện Quế Phong; UBND thị xã Thái Hoà; UBND huyện Nam Đàn và các xã; UBND huyện Tân Kỳ; UBND huyện Nghi Lộc; Sở Nội vụ; Sở Công Thương.



dựng được hệ thống văn bản QPPL tương đối đồng bộ, ngày càng hoàn thiện, phát huy vai trò điều chỉnh đối với các lĩnh vực đời sống xã hội, kịp thời cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- UBND tỉnh ban hành Đề án nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2030<sup>14</sup>. Đề án đã xác định nhiệm vụ trọng tâm và đề xuất nhiều giải pháp trong thời gian tới để thực hiện chủ trương của Đảng về nâng cao chất lượng thể chế, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đời sống và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp;

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 31/01/2023 về triển khai công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023 và giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu triển khai kế hoạch;

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được thực hiện đầy đủ và đúng quy định. Cấp tỉnh đã ban hành 35 văn bản QPPL (13 nghị quyết của HĐND tỉnh; 22 quyết định của UBND tỉnh); cấp huyện đã ban hành 31 văn bản QPPL. UBND tỉnh đã tham mưu HĐND tỉnh ban hành danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2023;

- Công tác rà soát văn bản được quan tâm, chủ động triển khai thực hiện. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Nghệ An ban hành hết hiệu lực toàn bộ và một phần. Theo đó, hết hiệu lực toàn bộ 73 văn bản (11 Nghị quyết, 46 Quyết định, 01 Chỉ thị); hết hiệu lực một phần 27 văn bản (7 Nghị quyết, 20 Quyết định);

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL được thực hiện bài bản, đúng quy trình, UBND đã chỉ đạo Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 237 văn bản QPPL; rà soát 730 văn bản QPPL cấp tỉnh, sau rà soát đã xử lý 105 văn bản QPPL, tỉ lệ xử lý văn bản QPPL sau rà soát đạt 100%<sup>15</sup>;

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp góp ý 374 văn bản (31 văn bản Trung ương và 343 văn bản của tỉnh); thẩm định 54 lượt dự thảo văn bản QPPL của tỉnh (14 Quyết định; 33 Quyết định, 07 đề nghị xây dựng nghị quyết);

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm. Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh ban hành tập san theo các chuyên đề để tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tới người dân, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước;

<sup>14</sup> Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 01/8/2023

<sup>15</sup> Số văn bản QPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền cấp tỉnh: 237 văn bản; Số văn bản QPPL cần phải xử lý sau kiểm tra: 02 văn bản; Số văn bản QPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong: 02 văn bản; Số văn bản QPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền cấp tỉnh: 730 văn bản; Số văn bản QPPL cần phải xử lý sau rà soát: 105 văn bản đã xử lý xong đạt 100%.



- Các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Vận hành hiệu quả Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh. Nhiều loại báo cáo liên quan đến thể chế được thực hiện kết nối liên thông vào báo cáo phần mềm điện tử của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp.

*b) Cải cách thủ tục hành chính*

- Xác định cải cách thủ tục hành chính (TTHC) là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, tạo điều kiện thông thoáng, thu hút đầu tư, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch như: Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC<sup>16</sup> với 46 nhiệm vụ; Kế hoạch truyền thông hoạt động kiểm soát TTHC năm 2023<sup>17</sup> với 15 nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo triển khai; Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC năm 2023<sup>18</sup>; Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia<sup>19</sup>; Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023<sup>20</sup>. Đến nay, cơ bản các nội dung của các kế hoạch được Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp các cấp, các ngành triển khai thực hiện đầy đủ, có chất lượng, hoàn thành tỷ lệ trên 90% trở lên, dự kiến đến hết năm 2023, hoàn thành 100% các nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra;

- UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung rà soát, tiếp tục tham mưu chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị. Tính đến ngày 10/11/2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố 40 Quyết định với 780 TTHC (cấp tỉnh: 605 TTHC, cấp huyện: 114 TTHC, cấp xã: 61 TTHC);

- Các thủ tục sau khi công bố được các Sở, ban, ngành, địa phương công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử, nơi tiếp nhận giải quyết TTHC; Đến nay, 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện đã được các Sở, ban, ngành tham mưu xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo đúng quy định;

- Thực hiện yêu cầu của Văn phòng Chính phủ về đơn giản hoá TTHC, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh kiểm soát việc đánh giá tác động của TTHC, kiểm soát việc ban hành quy định TTHC trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, theo đó TTHC được xem xét, nhận diện và đề nghị chỉ ban hành TTHC trong trường hợp cần thiết. Các TTHC chưa rõ ràng hoặc có thể thay bằng một biện pháp khác trong quản lý nhà nước thì đề nghị làm rõ, cụ thể hoặc không ban hành TTHC đó. Một số TTHC con trong TTHC được quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cũng được Văn phòng UBND tỉnh đề nghị cơ quan soạn thảo đưa ra khỏi dự thảo (nhất là 1 số TTHC con như: Xin xác nhận của UBND cấp xã/Công an

<sup>16</sup> Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 của UBND tỉnh Nghệ An;

<sup>17</sup> Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Nghệ An;

<sup>18</sup> Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Nghệ An;

<sup>19</sup> Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Nghệ An;

<sup>20</sup> Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Nghệ An;



cấp xã vào giấy tờ nộp cho cơ quan nhà nước khác, Bản cam kết, hoặc các Giấy tờ khác mà cơ quan giải quyết đã ban hành nhưng vẫn yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp để chứng minh,...). Bên cạnh đó, thông qua kiểm soát hồ sơ trình quy trình nội bộ, quy trình điện tử của các cơ quan, đã bỏ, cắt các bước không cần thiết, không đúng quy định trong quy trình giải quyết TTHC. UBND tỉnh đã ban hành 01 Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính (Quyết định 1561/QĐ-UBND ngày 01/6/2023, với số tiền tiết kiệm được: 2.857.765.120 đồng/01 năm) và đang xem xét, tiếp tục ban hành Phương án đơn giản hoá TTHC trong trường hợp cấp lại lĩnh vực việc làm với tổng số tiền được tiết kiệm khi thực thi phương án đơn giản hoá (tính riêng trên địa bàn tỉnh Nghệ An): 178.723.920 đồng/01 năm;

- Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của các Sở, ban, ngành tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo minh bạch. Hiện tại có 18 Sở, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh và 03 cơ quan chuyên môn ngành dọc đóng trên địa bàn (Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Công ty Điện lực Nghệ An) với 1.366 TTHC được tiếp nhận tại Trung tâm. Việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An đã giúp quá trình giải quyết TTHC xuyên suốt, nhất quán, chính xác, số hóa các thủ tục, hồ sơ theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

- Đến nay, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã cung cấp: 1.768 TTHC gồm: dịch vụ công một phần: 758 TTHC; dịch vụ công toàn trình: 1.010 TTHC. Cấp tỉnh: 1.380 TTHC; Cấp huyện: 275 TTHC; Cấp xã: 113 TTHC. Các đơn vị sử dụng: 21 Sở, ngành; 21 huyện, thành phố, thị xã và 460 xã thực hiện giải quyết TTHC trên hệ thống. UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị hoàn thành tích hợp, kết nối các hệ thống<sup>21</sup> nhằm đảm bảo việc tiếp nhận xử lý hồ sơ được diễn ra thông suốt;

- Kết quả tiếp nhận và xử lý hồ sơ<sup>22</sup>: Tính từ ngày 10/12/2022 đến 05/11/2023, tổng số hồ sơ tiếp nhận là 818.405 (tiếp nhận trực tiếp và qua bưu chính: 411.443 hồ sơ, 340.728 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, số hồ sơ kỳ trước chuyển qua: 66.234 hồ sơ), trong đó: 792.555 hồ sơ đã được giải quyết (có 707.615 hồ sơ giải quyết xong trước hạn và đúng hạn; có 84.940 hồ sơ giải quyết quá hạn theo thời gian quy định); Số hồ sơ đang giải quyết: 12.137; Số hồ sơ chờ bổ sung: 2.111. Số hồ sơ trả lại/rút hồ sơ: 11.604. Một số đơn vị thực hiện tốt Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả

<sup>21</sup> Hệ thống thông tin đất đai (VBDLIS) với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An; Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội của Bộ LĐTB&XH; Tích hợp tính năng ký số công cộng NEAC; Tích hợp với Hệ thống lý lịch tư pháp của Bộ tư pháp; Tích hợp dịch vụ chữ ký số từ xa (Mysign) của Viettel; CSDL Cấp đổi giấy phép lái xe Bộ GTVT quản lý; Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước; Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực vận tải và Hệ thống khám sức khỏe của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

<sup>22</sup> Số liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.



giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp như: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND huyện: Yên Thành, Nghi Lộc.

- Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện việc phân loại giấy tờ, hồ sơ, thực hiện số hoá kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực. Số hoá hồ sơ tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công được thực hiện nghiêm túc, đạt tỷ lệ 90% hồ sơ được tiếp nhận (còn 10% các hồ sơ bản vẽ kỹ thuật... chưa được số hoá). Đối với dữ liệu hộ tịch, toàn tỉnh đã thực hiện số hóa xong 1.831.439 dữ liệu; chuyển 1.656.443 dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để khai thác sử dụng (đạt 75%); hiện đang số hóa 346.000 dữ liệu. Các đơn vị, địa phương đã triển khai việc số hóa và sử dụng kết quả số hóa nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, rút ngắn thời gian khai thác hồ sơ, đồng nghĩa với việc rút ngắn thời gian chờ giải quyết chế độ chính sách cho người dân, giảm thiểu chi phí đi lại, chuyển trả kết quả và tái sử dụng kết quả số hoá hồ sơ;

- Triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng Kho dữ liệu điện tử của cá nhân, tổ chức để phục vụ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân;

- Thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành văn bản<sup>23</sup> chấn chỉnh thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ, đồng thời, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh. Tháng 09/2023, UBND tỉnh đã thiết lập thêm 01 chế độ báo cáo công tác cải cách thủ tục hành chính định kỳ hàng tháng theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ để các cơ quan, đơn vị thực hiện trên hệ thống này;

- Tính đến thời điểm hiện tại, có 79 phản ánh, kiến nghị gửi tới Văn phòng UBND tỉnh (tiếp nhận qua Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia), đã tiếp nhận 54 phản ánh, kiến nghị, từ chối 25 phản ánh, kiến nghị do không rõ nội dung, hoặc không thuộc phạm vi, nội dung tiếp nhận. Đồng thời, hàng ngày, số điện thoại đường dây nóng (02383.668.789) về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị vẫn duy trì và thường xuyên tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Các phản ánh, kiến nghị được công chức Phòng Kiểm soát TTHC của Văn phòng UBND tỉnh nghiên cứu, giải đáp ngay hoặc trao đổi với cơ quan, đơn vị bị phản ánh, kiến nghị để kịp thời xử lý, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn. Đối với những phản ánh, kiến nghị có nội dung phức tạp hoặc chưa phản ánh, kiến nghị rõ vấn đề thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức làm văn bản gửi kèm các tài liệu tới Văn phòng UBND tỉnh để nghiên cứu, tham mưu xử lý hoặc chuyển xử lý theo quy định;

<sup>23</sup> Công văn số 2223/UBND-KSTT ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh.



- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 06/3/2022 thành lập Tổ công tác liên ngành thúc đẩy cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hợp tác với nước ngoài, hàng tháng tổ công tác tổng hợp, thống kê việc giải quyết TTHC của các Sở, ban, ngành liên quan đến đầu tư, kinh doanh để đôn đốc, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết TTHC cho các nhà đầu tư;

- UBND tỉnh đã tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 07/11/2023 quy định mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Nghệ An để khuyến khích, đồng viên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp, đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- Hiện nay, 100% các TTHC đã được công bố, công khai, đồng bộ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; 100% TTHC đã xây dựng, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thiết lập trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; 100% hồ sơ TTHC của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, 50% hồ sơ TTHC của UBND cấp huyện, cấp xã được thực hiện và công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh Nghệ An;

- UBND tỉnh luôn quan tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo đội ngũ cán bộ, công chức phải tự giác nêu cao tinh thần trách nhiệm phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, đảm bảo kịp thời, đúng thời gian theo quy định. Để nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ TTHC đều được người dân, doanh nghiệp đánh giá mức độ hài lòng với các mức: "Rất hài lòng", "Hài lòng", "Chưa hài lòng" trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo khách quan, minh bạch;

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã triển khai tích hợp tin nhắn brandname, biên lai điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống lấy số tự động; Hệ thống camera giám sát; Khu vực hỗ trợ thực hiện Dịch vụ công trực tuyến; thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân sử dụng Dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến ở Trung tâm 27,24%; 100% hồ sơ được tiếp nhận qua Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Trung tâm Phục vụ hành chính công đã triển khai giải pháp gộp các quầy tiếp nhận hồ sơ đối với các Sở, ban, ngành có số lượng hồ sơ phát sinh ít để thực hiện tiếp nhận hồ sơ luân phiên theo tuần qua đó tránh lãng phí nguồn nhân lực đồng thời không ảnh hưởng đến công tác tiếp nhận hồ sơ;

- Đã tổng hợp, thống kê, nhận diện được 60 TTHC nội bộ (Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc



công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Nghệ An). Hiện nay, đang tiếp tục rà soát để cắt giảm, đơn giản hoá theo lộ trình tối thiểu 20% thủ tục hành chính nội bộ;

- Về kết quả thực hiện Đề án 06: Xây dựng thí điểm đơn vị kiểu mẫu thực hiện Đề án 06 trên địa bàn Nghệ An; trong đó, lựa chọn 02 đơn vị cấp huyện (thị xã Hoàng Mai, thị xã Thái Hòa) và 06 đơn vị cấp phường (gồm: 05 phường thuộc thành phố Vinh; 01 phường thuộc thị xã Cửa Lò) để chỉ đạo điếm. Các đơn vị, địa phương đã chủ động nghiên cứu, triển khai nhiều cách làm hay, mô hình sáng tạo trong công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Đề án 06.

*c) Cải cách tổ chức bộ máy*

- UBND tỉnh tiếp tục đôn đốc các ngành, các địa phương khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức bộ máy và theo Đề án đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh phê duyệt. Đến nay, các Sở, ngành, huyện, thành, thị đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn trực thuộc đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ;

- UBND tỉnh giao các Sở, ngành phối hợp với Sở Nội vụ căn cứ Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức để tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cho các cơ quan, đơn vị. Đến nay, đã có 13 Sở, ngành được UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy<sup>24</sup> theo Thông tư hướng dẫn. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã phê duyệt Phương án tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự cho 19<sup>25</sup> đơn vị;

- Thực hiện quy định về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã xây dựng và trình cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt đề án vị trí việc làm 56/56 cơ quan, tổ chức hành chính đã xây dựng, phê duyệt và triển khai đề án vị trí việc làm; 1.675/1.675 đơn vị cấp dưới được cơ quan cấp trên trực tiếp phê duyệt đề án vị trí việc làm;

<sup>24</sup> Các đơn vị đã có quyết định: 1. Sở Thông tin và truyền thông 2. Sở Giao thông vận tải 3. Sở Lao động Thương binh và xã hội 4. Sở Khoa học và công nghệ 5. Sở Xây dựng 6. Thanh tra tỉnh 7. Ban Dân tộc 8. Sở Ngoại vụ 9. Sở Tài chính 10. Sở Kế hoạch và Đầu tư 11. Văn phòng UBND tỉnh 12. Sở Nông nghiệp và PTNT, 13. Sở Tài nguyên và môi trường; Các đơn vị đang trình UBND tỉnh hoặc chưa hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh: 1. Sở Nội vụ (Đã trình UBND tỉnh), 2. Sở Du lịch 3. Sở Y tế 4. Sở Công thương 5. Sở Văn hóa và Thể thao. Các đơn vị đã có Thông tư nhưng chưa dự thảo quyết định: 1. Sở Tư pháp 2. Sở Giáo dục và Đào tạo.

<sup>25</sup> Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Vinh; Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vinh; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Thái Hòa; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thanh Chương; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Con Cuông; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Tân Kỳ; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Quỳnh Lưu; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Cửa Lò; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Yên Thành; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Diễn Châu; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Nam Đàn; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Quế Phong; Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường; Quỹ Bảo vệ môi trường; Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Công nghệ thông tin.



- UBND tỉnh đã chủ động, mạnh dạn thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm người đứng đầu các ngành, các cấp trong hoạt động quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực như: Đầu tư, xây dựng, đất đai, du lịch<sup>26</sup>;...Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nhiệm vụ đã được phân cấp để phát hiện những vướng mắc, bất cập, điều chỉnh, tháo gỡ kịp thời. Thực hiện nghiêm quy chế làm việc của UBND các cấp;

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu Ban Thường vụ, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng không gian đô thị thành phố Vinh theo Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 và Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định;

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã rà soát, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023- 2025 và Phương án của giai đoạn 2026-2030 theo tinh thần Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

#### *d) Cải cách chế độ công vụ, công chức*

- UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 505/UBND-TH ngày 30/01/2023 yêu cầu, đôn đốc các ngành, các huyện, thành, thị chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị theo kế hoạch. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 518/UBND-TH ngày 31/01/2023 chấn chỉnh, yêu cầu các Sở, ban, ngành phải lập nhật ký trong công tác tham mưu, nhằm quy định rõ trách nhiệm cơ quan, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tình trạng chậm việc, quên việc, chất lượng tham mưu không cao;

- Chỉ đạo hoàn thiện việc xây dựng dữ liệu cán bộ, công chức của tỉnh thực hiện theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (CSDLQG về CBCCVC) trong các cơ quan nhà nước để tích hợp, đồng bộ dữ liệu về CBCCVC với Bộ Nội vụ. Đến ngày 31/7/2023 đã đồng bộ 7.489 hồ sơ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức. Đã triển khai cập nhật, bổ sung các trường thông tin chưa đúng, còn thiếu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của Bộ Nội vụ;

- UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước năm 2023. Tính đến thời điểm

26 Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 về giao nhiệm vụ, ủy quyền một số nội dung trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư công, dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 quy định phân công, phân cấp về quản lý quy hoạch xây dựng, Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 ủy quyền cho UBND cấp huyện xác định, thẩm định và quyết định giá đất cụ thể trong các trường hợp và thành lập Hội đồng thẩm định giá đất (để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể đối với các trường hợp UBND tỉnh ủy quyền); (Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 Quy định phân cấp quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh);...



hiện tại, các ngành, các cấp đã tổ chức 306 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức với hơn 77.474 học viên tham dự;

- Năm 2023, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ tham mưu quy trình, hồ sơ thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho 28 cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh quản lý. Số lượng cấp phó tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh hiện nay thực hiện đúng theo quy định;

- Thực hiện tốt chính sách tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Nghị định 113/2018/NĐ-CP và Nghị định 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tinh giản biên chế (hiện nay là Nghị định 29/2023/NĐ-CP). Trong năm 2023, toàn tỉnh tinh giản 484 người, trong đó 88 cán bộ, công chức, công chức cấp xã, 04 công chức khối đảng đoàn thể và 392 viên chức, tỷ lệ tinh giản biên chế so với năm 2015 đạt 12.95%;

- Thực hiện tuyển dụng công chức theo đúng quy định hiện hành, căn cứ vào chỉ tiêu biên chế, đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, năm 2023, UBND tỉnh đã tuyển dụng 123<sup>27</sup> công chức vào các cơ quan, đơn vị khác. Hiện nay, UBND tỉnh đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo cho công tác thi tuyển công chức năm 2023;

- Việc thực hiện nâng ngạch, chuyển ngạch đối với công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Năm 2023, UBND tỉnh đã cử 09 lãnh đạo Sở, ngành tham dự kỳ thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp do Bộ Nội vụ tổ chức, kết quả 9/9 đồng chí đạt kết quả trúng tuyển kỳ thi; UBND tỉnh đã bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng I từ thông tư cũ sang Thông tư mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho 276 người; thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho 362 viên chức;

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Bổ sung điều chỉnh quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng cho 86 đơn vị. Lương, chế độ phụ cấp, chuyển xếp lương và các chế độ chính sách khác của cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Hiện nay, đang trình HĐND tỉnh Nghệ An ban hành các Nghị quyết để triển khai thực hiện Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, Tổ công tác Cải cách TTHC của Chính phủ, Đoàn kiểm tra Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, UBND tỉnh đã xây dựng kế hoạch, văn bản cụ thể chỉ đạo các Sở, ngành địa phương phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục các tồn tại, hạn chế được chỉ ra trong công tác CCHC (Kế hoạch số 835/KH-UBND ngày 02/11/2023,...), trong đó yêu cầu kiểm tra, xác minh, điều chuyển thay thế những

<sup>27</sup> Trong đó, thông qua thi tuyển: 64 người, tiếp nhận vào làm công chức: 59 người.



công chức giữ chức vụ lãnh đạo phòng chuyên môn dư luận phản ánh có tiêu cực, gây phiền hà, sách nhiễu cho người dân, doanh nghiệp; khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, có phương án thay thế, điều chuyển ngay những trường hợp trì trệ, yếu kém, vi phạm đạo đức công vụ hoặc bị người dân, doanh nghiệp phản ánh, gây dư luận xấu trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

*đ) Cải cách tài chính công*

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 68/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Ban hành quyết định về phê duyệt phương án tự chủ ở cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025;

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, gồm 06 nội dung trọng tâm chỉ đạo, điều hành, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và 160 nhiệm vụ cụ thể; đồng thời, xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2023 theo từng quý và cả năm;

- Thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 14.639 tỷ đồng, đạt 92,4% dự toán và bằng 65,1% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu nội địa ước thực hiện 13.461 tỷ đồng, đạt 92,3% dự toán và bằng 63,6% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động XNK ước thực hiện 1.157 tỷ đồng, đạt 92,6% dự toán và bằng 86,9% cùng kỳ. Chi ngân sách địa phương năm 2023 ước thực hiện 35.660 tỷ đồng, đạt 107,5% dự toán;

- Về đầu tư công: Tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương, các chủ đầu tư thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Ngày 17/8/2023, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị giao ban xây dựng cơ bản toàn tỉnh về tình hình thực hiện giải ngân vốn đầu tư công, chương trình phục hồi kinh tế - xã hội, 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Tính đến thời điểm 31/10/2023, tổng vốn đầu tư công đã giải ngân 3,678,62 tỷ đồng, đạt 51,42 % so với kế hoạch;

- UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất cho các cơ quan, đơn vị đơn vị cấp tỉnh và các địa phương thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, khối xóm với tổng số cơ sở nhà đất đã phê duyệt đến tháng 11/2023 là 4.138/4.417 cơ sở, đạt 93,7%, dự kiến đến 31/12/2023 phê duyệt là 4.413/4.417 cơ sở đạt 99,9%. Hiện nay, các đơn vị được giao quản lý, sử dụng nhà, đất đang phối hợp với các đơn vị liên quan để hoàn thiện hồ sơ pháp lý gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, xử lý các cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Tiếp tục giao cho các cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP và Thông tư số 71/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính



đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh (41/41 đơn vị), 100% đơn vị thuộc khối đảng, đoàn thể chính trị cấp tỉnh (6/6 đơn vị); 89,8% đơn vị hành chính, đơn vị thuộc khối đoàn thể cấp huyện (132/147 đơn vị) được giao khoán chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

- Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, 59 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, 485 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 1.147 đơn vị do ngân sách bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên. Còn 03 đơn vị chưa được giao quyền tự chủ tài chính, các đơn vị đang trong quá trình hoàn thiện Phương án tự chủ và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong năm 2023;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục chủ động trong thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động, từ đó gia tăng quy mô nguồn thu hoạt động của đơn vị. Đặc biệt, các đơn vị có mức độ tự chủ tài chính cao đã quan tâm trong việc trích lập quỹ để thực hiện mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất nhằm đẩy mạnh hiệu quả hoạt động sự nghiệp.

*e) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số*

- Thực hiện "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" của Chính phủ và thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 5/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025, tính đến 2030, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2023 với 14 mục tiêu và 42 nhiệm vụ cần phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn của tỉnh; tổ chức hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU;

- Các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục tập trung vào hoàn thiện cơ chế, chính sách về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành khai thác hệ thống thông tin phục vụ xây dựng chính quyền điện tử phù hợp với định hướng của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương;

- Triển khai kết nối liên thông gửi nhận văn bản trên phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-IOffice cho 23/23 đơn vị cấp Sở, ngành; 21/21 UBND cấp huyện, 460/460 UBND cấp xã; kết nối liên thông từ Văn phòng



UBND tỉnh đến Văn phòng Chính phủ. Tổng số tài khoản người dùng đang sử dụng trên hệ thống: 16.794; Trong năm 2023, tính đến thời điểm báo cáo, tổng số văn bản đến tiếp nhận trên hệ thống là 3.338.183 văn bản, Tổng số văn bản đến chờ duyệt là 104.325 văn bản. Tổng số văn bản đến đã chuyển thực hiện là: 3.243.943 văn bản; tổng số văn bản đến lãnh đạo phê duyệt bằng phần mềm là: 3.151.366 văn bản. Tổng số văn bản đi phát hành trên hệ thống là: 734.107 văn bản; Tổng số văn bản đi được ký số trên phần mềm là: 667.767 văn bản;

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến với 44 điểm cầu, kết nối Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh với huyện/thành/thị ủy, UBND các huyện, thành phố, thị xã và một số Sở, ban, ngành. Tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 06/11/2023, đã phục vụ 31 cuộc họp nội tỉnh (trong đó Tỉnh ủy 04 cuộc, Ủy ban mặt trận tổ quốc 04 cuộc, HĐND tỉnh 01 cuộc, UBND tỉnh 18 cuộc, Sở Tài chính 01 cuộc, Sở Lao động - Thương binh và xã hội 01 cuộc, Sở Nội vụ 01 cuộc, Liên đoàn Lao động tỉnh 01 cuộc);

- Hiện nay, 100% các cơ quan nhà nước 03 cấp của tỉnh Nghệ An đã được cấp phát, sử dụng chữ ký số. Tính đến ngày 31/10/2023 đã cấp 9.970 chứng thư số, trong đó 8.191 chứng thư số cá nhân, 1.779 chứng thư số tập thể. Trong đó, cơ quan cấp 1 (UBND tỉnh): 34, cơ quan cấp 2 (các đơn vị cấp Sở, UBND cấp huyện): 2.064, cơ quan cấp 3 (UBND cấp xã): 6.153, cơ quan cấp 4 (đơn vị thuộc, trực thuộc): 1.725 chứng thư số;

- UBND tỉnh đã kiện toàn Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc trung tâm điều hành thông minh (IOC), chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số; đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi số hằng năm và giai đoạn. Đến nay, 18/20 Sở, ban, ngành và 20/21, UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 (Các đơn vị chưa ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2023: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND thị xã Cửa Lò). Có 19/20 đơn vị cấp Sở, 20/21 đơn vị cấp huyện đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn: (Các đơn vị chưa ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn gồm: Sở Xây dựng, UBND huyện Quỳnh Lưu). Đến nay, 100% các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số. 100% đơn vị Trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số là người đứng đầu đơn vị, địa phương;

- UBND các huyện, thành, thị triển khai thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn, bản. Tính đến ngày 15/11/2023 toàn tỉnh đã thành lập được 460 tổ cấp xã (tổng 5.221 người tham gia); 3.793 tổ cấp thôn, xóm (tổng 18.093 tham gia);

- Về an toàn thông tin mạng, toàn bộ các Hệ thống dùng chung của tỉnh (cấp độ 3) đã được UBND tỉnh phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; 42 hệ thống thông tin cấp độ 2 (Sở, ban, ngành, địa phương) đã được Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định phê duyệt cấp độ an toàn thông



tin. Hệ thống phòng, chống mã độc tập trung của tỉnh duy trì hoạt động đến hơn 3.400 máy tính của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện;

- Đã tổ chức 34 lớp với 2.586 học viên bồi dưỡng các kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng theo chương trình tập huấn, bồi dưỡng cán bộ hàng năm. Triển khai Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 15/6/2023 về việc bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023: Đã hoàn thành việc bồi dưỡng, tập huấn trực tiếp cho 1.000 cán bộ, công chức viên chức đầu mối. Tính đến ngày 07/11/2023, đã cập nhật được dữ liệu 34.584 tài khoản trên nền tảng học trực tuyến đại trà, trong đó có 22.481 tài khoản (tương đương 22.481 cán bộ, công chức, viên chức) hoàn thành khóa học. Phân đầu đến 31/12/2023 hoàn thành đào tạo trên nền tảng học trực tuyến đại trà cho trên 36.000 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh;

- Cổng Thông tin điện tử tỉnh đã tổ chức các mục thông tin theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Bám sát định hướng thông tin của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Biên tập về các hoạt động chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sự kiện, chủ trương, chính sách lớn của tỉnh. Các hoạt động chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo tỉnh, hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của địa phương... được Cổng TTĐT chuyển tải tới người dân, doanh nghiệp một cách kịp thời, đảm bảo tính thời sự;

- Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015 tiếp tục áp dụng, duy trì thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Toàn tỉnh có 60/60 đơn vị quyết định công bố áp dụng theo Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

## **II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác tham mưu CCHC ở một số đơn vị chưa hiệu quả. Công tác tự kiểm tra CCHC, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của một số đơn vị chưa thường xuyên, chưa nghiêm;

- Vẫn còn tình trạng tham mưu ban hành các đề án, nghị quyết, quyết định thực hiện theo Kế hoạch, chương trình công tác năm của UBND tỉnh bị chậm thời gian theo kế hoạch đề ra;

- Triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình còn gặp khó khăn. Do tỷ lệ chứng thực bản sao điện tử của người dân còn hạn chế, một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm việc tiếp nhận bản sao điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính. Vì vậy, người dân vẫn phải đến cơ quan nhà nước để xuất trình đối chiếu giấy tờ gốc so với giấy tờ được đính kèm trên Cổng dịch vụ công;

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối, chia sẻ với một số phần mềm chuyên ngành của các Bộ, ngành nhưng trong quá trình vận hành vẫn còn



vướng mắc, không kết xuất, đồng bộ được dữ liệu hoặc dữ liệu không thống nhất, dẫn đến tình trạng không thống kê được số hồ sơ, không kiểm soát được quá trình tiếp nhận và giải quyết (các Hệ thống: Đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Hệ thống cấp phiếu Lý lịch tư pháp, Hệ thống đăng ký hộ tịch của Bộ Tư pháp; Hệ thống cấp đổi Giấy phép lái xe của Bộ GTVT);

- Tỷ lệ hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình còn thấp. Chủ yếu thực hiện trực tiếp ở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Tỷ lệ số hóa hồ sơ TTHC của tỉnh còn thấp (tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận đạt 41,06%; tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ chỉ đạt 21.32%<sup>28</sup>);

- Ở một số đơn vị cấp xã, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của Bộ phận Một cửa chưa đáp ứng yêu cầu, xuống cấp nhưng chưa được đầu tư nâng cấp;

- Một số cơ quan, đơn vị đang gặp khó khăn, vướng mắc trong sắp xếp tổ chức bộ máy, đến nay vẫn chưa tham mưu ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy như: Sở Tư pháp, Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu công tác, làm việc vẫn cầm chừng, tâm lý sợ sai, ngại việc khó, kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng nghiệp vụ hành chính, phẩm chất, đạo đức yếu, thiếu ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ thấp. Vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức, viên chức dễ xảy ra quên việc, chậm việc<sup>29</sup>, còn có dư luận không tốt về tinh thần, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ đến mức phải khởi tố vụ án, khởi tố bị can;

- Tiến độ triển khai và giải ngân vốn đầu tư công một số đơn vị vẫn còn chậm hoặc dưới mức bình quân chung của cả tỉnh<sup>30</sup>. Một số đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn tư tưởng phụ thuộc vào kinh phí ngân sách nhà nước cấp, chưa chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, thực hiện các giải pháp tăng thu, tiết kiệm chi;

- Một số Sở, ngành, địa phương nhận thức về chuyển đổi số phục vụ CCHC chưa rõ ràng, chưa định hình được nội dung triển khai chuyển đổi số; người đứng đầu chưa quan tâm đến chuyển đổi số, chưa bố trí được cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin. Phát triển hạ tầng số tại vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, thiếu điện lưới. Cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin/chuyển đổi số tại một số đơn vị, địa phương xuống cấp, thiếu đồng bộ. Kinh phí dành cho chuyển đổi số chưa tương xứng với các nhiệm vụ đặt ra. Các nhiệm

<sup>28</sup> Có bảng thống kê kết quả số hóa cụ thể từng đơn vị kèm theo.

<sup>29</sup> Qua kiểm tra công tác CCHC và thanh tra công vụ tại các đơn vị, tất cả các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đều có tình trạng chậm việc, quên việc.

<sup>30</sup> Khối Sở, ngành có 01 cơ quan, đơn vị chưa thực hiện giải ngân (0%): Sở Y tế (81,88 tỷ đồng); 6 ngành, 8 huyện, thành, thị đã thực hiện giải ngân nhưng tỷ lệ giải ngân dưới mức bình quân chung của tỉnh (dưới 51,42%): Khối sở ngành Sở Du lịch (21,55%), Sở Văn hóa và Thể thao (25,19%), Sở Lao động - Thương binh và xã hội (38,51%), Sở Công Thương (38,51%), Sở Tài nguyên và Môi Trường (46,26%), Sở Kế hoạch và Đầu tư (47,4%) Khối huyện: ( Tương Dương (19,6%), Quế Phong (22,51%), Kỳ Sơn (27,62%), Vinh (30,12%), Quỳnh Lưu (34,44%), Con Cuông (45,29%), Nghĩa Đàn (46,43%), Quỳnh Châu (49,86%)



vụ về xây dựng đô thị thông minh, Trung tâm điều hành thông minh (IOC) đang triển khai chưa hiệu quả. Việc đảm bảo an toàn thông tin còn hạn chế, vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, chưa được xử lý triệt để. Kết quả công bố xếp hạng chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2022 của tỉnh tuy có tăng 3 bậc nhưng vẫn quá thấp (đứng 52/63 tỉnh, thành; thứ 5 khu vực Bắc Trung Bộ).

### **3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

#### *a) Nguyên nhân khách quan*

- Hệ thống văn bản của cấp trên chưa đồng bộ, thậm chí bị chồng chéo nên trong quá triển khai thực hiện ở địa phương gặp nhiều khó khăn;
- Nghệ An là đơn vị hành chính có diện tích lớn nhất nước, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã rất lớn;
- Một số chủ trương lớn, việc khó nhưng yêu cầu thời gian triển khai gấp rút, trong khi công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều cấp, nhiều ngành, qua nhiều khâu, nhiều tầng nấc theo quy định;
- Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, cùng với tình hình chính trị trên thế giới ở một số khu vực bất ổn dẫn đến khó khăn trong thực hiện thu ngân sách;
- Nhận thức, tiếp cận của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ công trực tuyến chưa đầy đủ hoặc vẫn còn tâm lý e ngại khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; thiếu quy định bắt buộc về tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến;
- Do còn khó khăn trong thu ngân sách, nên ở các địa phương, kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất để phục vụ công tác CCHC còn ít.

#### *b) Nguyên nhân chủ quan*

- Công tác CCHC ở một số ít cơ quan, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, chính quyền các cấp có những thời điểm nhất định do bị chi phối bởi công việc chuyên môn nên chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm của mình trong công tác CCHC, chỉ đạo chưa sâu sát và còn thiếu quyết liệt, có nơi thực hiện còn hình thức. Chưa dành nhiều thời gian cho việc lãnh đạo, chỉ đạo, tự kiểm tra, chấn chỉnh công tác CCHC;
- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nhận thức về công tác CCHC nói chung, công tác kiểm soát TTHC nói riêng còn hạn chế; thiếu kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, chưa quan tâm đến công tác chuyển đổi số;
- Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra công vụ và xử lý vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong từng nội bộ cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên, chưa đầy đủ, chưa nghiêm.

## **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC CCHC NĂM 2024**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai có hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Trong đó, chú trọng việc chỉ đạo, đôn đốc các ngành, UBND các cấp thực hiện quyết liệt, có chất lượng, đảm bảo thời gian các mục tiêu, nhiệm vụ đã



đề ra trong Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030, Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của tỉnh và kế hoạch CCHC năm 2024, Đặc biệt tập trung quyết liệt thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số;

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU về đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030;

- Tham mưu Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh lựa chọn đơn vị điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC; Tham mưu ban hành Chỉ thị về lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC trong tình hình mới;

- Lãnh đạo, chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan tham mưu kịp thời, đúng thời gian, có chất lượng các chương trình, kế hoạch liên quan công tác CCHC trong năm 2023<sup>31</sup>;

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC; Chỉ đạo kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các đơn vị, địa phương; rà soát, khắc phục những tồn tại, hạn chế sau thanh tra, kiểm tra, xử lý những trường hợp vi phạm.

- Tiếp tục lãnh đạo đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền về công tác CCHC. Phát động cán bộ, công chức tham gia đổi mới, sáng tạo, có các giải pháp, sáng kiến mới về CCHC.

## **2. Cải cách thể chế**

- Nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng ban hành văn bản QPPL đảm bảo chất lượng, đúng quy định của pháp luật, phù hợp thực tiễn, đúng thời gian theo Kế hoạch của UBND tỉnh;

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản QPPL của tỉnh. Tập trung ưu tiên sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương đã ban hành; Các văn bản QPPL phục vụ chỉ đạo, điều hành, các văn bản liên quan đến cơ chế chính sách phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội, thu hút đầu tư, an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Rà soát, xử lý kịp thời các văn bản QPPL trái với quy định của pháp luật, trái thẩm quyền và sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản để đảm bảo sự phù hợp với các quy định của pháp luật phục vụ cho công tác quản lý nhà nước. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và kiểm tra việc ban hành văn bản QPPL của các cấp.

<sup>31</sup> Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2024; Kế hoạch tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2024; Kế hoạch rà soát văn bản QPPL năm 2024; Kế hoạch hoạt động KSTTHC, rà soát, đánh giá TTHC, truyền thông hoạt động KSTTHC, kiểm tra hoạt động KSTTHC năm 2024; Kế hoạch ban hành văn bản QPPL năm 2024; Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024...



### 3. Cải cách thủ tục hành chính

- Công bố kịp thời TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền các cấp, đồng thời, phê duyệt quy trình điện tử, quy trình nội bộ trong việc giải quyết TTHC để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ các TTHC không cần thiết, không hợp pháp và không hợp lý; Tiếp tục chỉ đạo cải cách TTHC theo hướng đơn giản hóa, giảm thời gian, chi phí thực hiện, nhất là TTHC liên quan tới người dân, doanh nghiệp tập trung một số lĩnh vực trọng tâm: Đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên môi trường, thuế, hải quan, y tế...;

- Cập nhật kịp thời TTHC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; chỉ đạo các ngành, các cấp nghiêm túc thực hiện đầy đủ nội dung công khai, minh bạch tất cả các TTHC trên cổng, trang thông tin điện tử của Sở, ngành, địa phương, tại nơi giao dịch và các hình thức khác;

- Công khai đầy đủ, đúng quy định địa chỉ email công vụ và số điện thoại đường dây nóng của cơ quan Thường trực về CCHC (Sở Nội vụ) và cơ quan đầu mối kiểm soát TTHC của tỉnh (Phòng kiểm soát TTHC – Văn phòng UBND tỉnh) để tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tiếp nhận, xử lý kịp thời đúng quy định các TTHC của tổ chức, công dân;

- Bố trí nguồn lực về nhân sự và ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác CCHC, đặc biệt là kinh phí để tiếp tục nâng cấp, hiện đại hóa Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh;

- Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo các bộ phận chuyên môn chủ động xử lý các hồ sơ trễ hạn chưa giải quyết trên Hệ thống; hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến;

- Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC;

- Chỉ đạo các ngành các cấp thực hiện có hiệu quả 25 dịch vụ công thiết yếu và thực hiện 2 nhóm thủ tục liên thông gồm: Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí;

- Tiếp tục nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để thực hiện các hạng mục phục vụ số hóa hồ sơ; kết nối, chia sẻ, liên thông, tích hợp và đồng bộ dữ liệu với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành.

### 4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước



- Rà soát, quyết định ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành;

- Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện các quy định về phân công, phân cấp, đẩy mạnh giám sát, kiểm tra, thanh tra sau phân cấp;

- Rà soát, đánh giá, triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; phấn đấu nâng cao mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đối với dịch vụ do các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp;

- Thực hiện Đề án mở rộng địa giới hành chính và không gian đô thị thành phố Vinh theo lộ trình. Đôn đốc UBND các huyện triển khai phương án sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, giai đoạn 2026-2030 theo Kết luận 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị đã được phê duyệt;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản, biên chế.

### **5. Cải cách chế độ công vụ**

- Thực hiện đúng quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP;

- Chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện các quy định về chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện cơ cấu công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm từng cơ quan, đơn vị;

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đã được phê duyệt theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020;

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố nhằm triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

- Thẩm định, quyết định sửa đổi bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm cho các cơ quan, đơn vị. Bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh trong năm 2024 và các năm tiếp theo theo đề án vị trí việc làm, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, có phẩm chất đạo đức, đủ trình độ và năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị ở các cấp. Kịp thời xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm đạo đức công vụ;



- Tiếp tục chỉ đạo đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chú trọng công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng, đạo đức công vụ, các kiến thức bổ trợ khác;

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách tiền lương mới, đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật. Khen thưởng kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức nhằm tạo động lực trong hoạt động công vụ;

- Chỉ đạo hoàn thành việc thực hiện cập nhật thông tin, các trường dữ liệu của cán bộ, công chức trên phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức của tỉnh.

## **6. Cải cách tài chính công**

- Tập trung giải ngân vốn đầu tư công theo quy định của Chính phủ;

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học công nghệ công lập theo các quy định của Chính phủ;

- Mở rộng đối tượng và thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập ở các cấp;

- Lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thực sự chủ động trong thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động từ đó gia tăng quy mô nguồn thu hoạt động của đơn vị. Đặc biệt, các đơn vị có mức độ tự chủ tài chính cao đã quan tâm trong việc trích lập quỹ để thực hiện mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất nhằm đẩy mạnh hiệu quả hoạt động sự nghiệp;

- Thực hiện tốt việc sắp xếp tài sản công sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

## **7. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số**

- Tiếp tục triển khai kiến trúc chính quyền điện tử, các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành và thực thi công vụ, nhiệm vụ đảm bảo tính đồng bộ ở các cấp trong năm 2024. Từng bước thực hiện số hóa tài liệu, hồ sơ, các quy trình nghiệp vụ; chứng thực bản sao điện tử, phát triển các hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, đặc biệt là ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng dữ liệu số bảo đảm tập trung, kết nối, liên thông, vận hành kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh, kết nối liên thông các ngành, địa phương;

- Tập trung rà soát, bổ sung nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân trên địa bàn tỉnh;

- Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, các cửa hàng bán lẻ, hộ sản xuất kinh doanh và người dân.



Hỗ trợ doanh nghiệp, địa phương phát triển kinh tế số, từng bước xây dựng xã hội số. Tăng cường triển khai các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn, bản;

- Rà soát, kiện toàn các quy chế, quy trình về quản lý, bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, đơn vị; tổ chức đánh giá và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp thống nhất toàn tỉnh;

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan đơn vị duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 trong các cơ quan quản lý nhà nước.

## V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo CCHC các cấp, các ngành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị.

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, thực hiện các nhiệm vụ CCHC từ tỉnh đến cơ sở, trong mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu gắn với kết quả thực hiện CCHC. Chú trọng công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

3. Xác định đầy đủ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ CCHC. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công tác của từng cá nhân và tổ chức.

4. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị. Thực hiện các chế độ chính sách hợp lý, khen thưởng kịp thời để động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ đồng thời xử lý nghiêm những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị nhằm đẩy mạnh CCHC. Thực hiện đánh giá, xếp loại, xếp hạng CCHC các Sở, ban, ngành, địa phương khách quan, chính xác.

6. Tập trung chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin - truyền thông để hỗ trợ tốt cho công tác CCHC, tăng tính công khai, minh bạch và hiệu quả giám sát. Vận hành có hiệu quả và nâng cao chất lượng phục vụ của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp.

7. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức; huy động sự tham gia của Nhân dân, tổ chức vào công tác CCHC. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với việc cung cấp các dịch vụ công của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án số 06 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó ưu tiên đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện tốt các nhiệm vụ và hoàn thành các mục tiêu Đề án, Kế hoạch của UBND tỉnh đề ra.

9. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực tài chính phục vụ cho việc triển khai CCHC.



10. Tăng cường khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp đánh giá các cơ quan hành chính nhà nước và đánh giá tinh thần, thái độ, trách nhiệm của cán bộ công chức, viên chức trong thực thi công vụ, giải quyết thủ tục hành chính (mỗi năm đánh giá 2 lần vào 6 tháng và cuối năm).

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh Nghệ An năm 2023, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện trong năm 2024. *Vamo*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- BTV Tỉnh ủy;
- BCH Đảng bộ tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh (phục vụ thẩm tra);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, KSTT (Nam).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vinh**



**THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023  
CỦA TỈNH NGHỆ AN**

*(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

<b>Biểu mẫu 1</b>				
<b>Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC</b>				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	33	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	90	Tính đến ngày 5/11/2023, dự kiến đến 31/12/2023 hoàn thành 100%
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	41	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	37	
3	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	9	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	3	(1) Tình trạng chậm việc, quên việc; (2) Giải quyết hồ sơ trễ hạn; (3) vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	3	
4	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</b>			



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Đơn vị	5/5	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	169	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	169	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	596	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

**Biểu mẫu 2  
Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
1	<b>Tổng số VBQPPL đã ban hành</b>	Văn bản		
-	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	35	
-	Số VBQPPL cấp huyện ban hành	Văn bản	31	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
-	Số VBQPPL cấp xã ban hành	Văn bản	0	
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	237	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	2	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	2	
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	730	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	105	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	105	

**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	1	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	5	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	401	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1421	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	282	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	126	
<b>2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	73	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	57	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
<b>3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	89,26	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	792.555	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	707.470	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	33,16	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	93.421	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	30.980	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96,86	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	869.732	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	842.438	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	54	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	54	

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	29	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.661	
1.5.1.	Số ĐVSNCCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	12	
1.5.2.	Số ĐVSNCCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	186	
1.5.3.	Số ĐVSNCCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	1.463	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	12,8	giảm 249 đơn vị
<b>2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3.314	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3.067	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	263	HĐ theo ND 68/CP
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	512	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,88	
<b>3</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	56.928	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	53.195	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	484	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	12,95	
<b>Biểu mẫu 5</b> <b>Cải cách chế độ công vụ</b>				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	56	Hiện đang chờ Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ để thực hiện theo Nghị định mới
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.675	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	123	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
<b>3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật cấp (cả về Đảng và chính quyền).</b>			
4.2	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.3	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	3	số liệu tạm tính vì chưa đến thời hạn thống kê báo cáo theo Quy định
4.4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	5	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
4.5	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	67	

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	51,42	Số liệu tính đến ngày 30/10/2023
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	7.154,06	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	3.678,62	
<b>2</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>		1696	
2.2	Tổng số ĐVSNCL tại địa phương	Đơn vị	1699	
2.3	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	5	
2.4	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	59	
2.5	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	485	
-	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	11	
-	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	25	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
-	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	449	
2.6	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1147	
2.7	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	3	

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
<b>5.2.</b>	<b>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</b>			
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	98	
<b>5.3.</b>	<b>Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</b>			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
<b>6</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	809	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	809	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	224	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	994	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	994	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	264	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần, toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	73,4	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ một phần và toàn trình của địa phương	Thủ tục	1803	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần, toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1324	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần, toàn trình ( <i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ một phần, toàn trình có phát sinh hồ sơ</i> )	%	45	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	752.171	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	340.728	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	Thù tục	531	
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	Thù tục	531	



**Phụ lục 02**  
**Văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác Cải cách hành chính**  
**tại tỉnh Nghệ An**

(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu văn bản
1	Quyết định số 4288/QĐ-UBND	29/12/2022	Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2023
2	Kế hoạch số 33/KH-UBND	18/01/2023	Tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2023
3	Quyết định số 320/QĐ-UBND	10/2/2023	Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC
4	Kế hoạch số 92/KH-UBND	21/02/2023	Kế hoạch truyền thông hoạt động kiểm soát TTHC năm 2023
5	Công văn số 518/UBND-TH	31/01/2023	Về việc tổng hợp nhật ký trong công tác tham mưu văn bản
6	Kế hoạch số 63/KH-UBND	03/02/2023	Triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia
7	Kế hoạch số 191/KH-UBND	23/3/2023	Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023
8	Công văn số 1728/UBND-KSTT	15/3/2023	Đôn đốc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An
9	Công văn số 2474/UBND-KSTT	06/4/2023	Về việc khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính Quý 1/2023
10	Công văn số 3308/UBND-TH	27/4/2023	Về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc
11	Công văn số 3311/UBND-KSTT	28/4/2023	Triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)
12	Công văn số 3694/UBND-KSTT	15/5/2023	Về việc đẩy mạnh triển khai việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích
13	Công văn số 3901/UBND-KSTT	22/5/2023	Khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC và triển khai các nhiệm vụ, giải



TT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu văn bản
			pháp cải thiện các chỉ số: PAR INDEX; SIPAS; PAPI năm 2023
14	Công văn số 3967/UBND-KSTT	24/5/2023	Về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ tại Phiên họp thứ tư ngày 19/4/2023
15	Quyết định số 1291/QĐ-UBND	12/5/2023	Việc phê duyệt Báo cáo phương pháp luận và ban hành Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã tỉnh Nghệ An
16	Kế hoạch số 167/KH-UBND	17/3/2023	Tổ chức Cuộc thi “Tìm hiểu về Cải cách hành chính” tỉnh Nghệ An năm 2023
17	Công văn số 993/SNV-CCHC	24/4/2023	Về việc lấy ý kiến bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng CCHC của tỉnh Nghệ An
18	Công văn số 171/SNV-CCHC	27/01/2023	Đôn đốc các ngành, các cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về công tác CCHC năm 2023
19	Công văn số 1131/CCHC-SNV	10/5/2023	Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng chế độ báo cáo CCHC định kỳ
20	Công văn số 02-CV/BCĐ	12/7/2023	Về việc chỉ đạo điểm công tác CCHC tại một số ngành và địa phương
21	Kế hoạch số 574/KH-UBND	02/8/2023	Về việc khắc phục những tồn tại, hạn chế theo Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh về “Công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2022”
22	Công văn số 5768/UBND-KSTT	14/7/2023	Về việc khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC 06 tháng đầu năm 2023
23	Công văn số 6219/UBND-KSTT	28/7/2023	Về việc triển khai một số nhiệm vụ cải cách hành chính trong thời gian tới
24	Công văn số 6486/UBND-KSTT	07/8/2023	Về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường hiệu quả công tác lý lịch tư pháp ngày Công văn số 6832/UBND-KSTT ngày 16/8/2023
25	Công văn số 6714/UBND-KSTT	11/8/2023	Về việc tập trung nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Nghệ An



TT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu văn bản
26	Công văn số 6828/UBND-TH	12/8/2023	Về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến
27	Quyết định số 3323/QĐ-UBND	16/10/2023	Ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An
28	Công văn số 9203/UBND-KSTT	30/10/2023	Về việc khắc phục tồn tại hạn chế công tác CCHC quý 3/2023
29	Công văn số 9086/UBND-KSTT	26/10/2023	Về việc thực hiện Công điện số 968/CD-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan nhà nước các cấp
30	Kế hoạch số 835/KH-UBND	02/11/2023	Khắc phục tồn tại hạn chế theo Thông báo số 37/VPBCĐCCHC ngày 19/10/2023 của Văn phòng Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ về kết luận công tác CCHC tại tỉnh Nghệ An
31	Công văn số 3124/SNV-CCHC&VTLT	03/11/2023	Về việc đôn đốc các đơn vị được Ban chỉ đạo CCHC tỉnh lựa chọn đơn vị điểm chỉ đạo công tác CCHC hoàn thành các nhiệm vụ theo Kế hoạch
32	Hướng dẫn số 3168/HD-SNV	8/11/2023	Hướng dẫn báo cáo, tự chấm đánh giá, chấm điểm công tác CCHC năm 2023 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh
33	Kế hoạch số 788/KH-UBND	19/10/2023	Kế hoạch Điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 tại các Sở, ban ngành cấp tỉnh của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện



### Phụ lục 03

**Danh mục Quyết định công bố thủ tục hành chính ban hành trong kỳ báo năm 2023**  
(Kèm theo Báo cáo số 878/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Số, ký hiệu	Trích yếu	Đơn vị tham mưu	Số TTHC được công bố			Tổng cộng	Ghi chú
				Tỉnh	Huyện	Xã		
1	82/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	Công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đường bộ, đường thủy thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Nghệ An	Sở Giao thông vận tải	3	0	0	3	Thay thế 3 TTHC của QĐ 1177
2	183/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng Nghệ An	Sở Xây dựng	8	6	0	14	
3	444/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	5	0	0	5	
4	648/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	Công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lãnh sự thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Ngoại vụ trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Ngoại vụ	1	0	0	1	



5	907/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An	Sở Thông tin và Truyền thông	1	5	4	10	
6	934/QĐ-UBND ngày 06/4/2023	Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và được bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Sở Lao động, Thương binh và Xã	0	0	1	1	
7	1081/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Giáo dục và Đào tạo	5	4	0	9	sdbs
8	1183/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực văn hóa, gia đình và thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Văn hoá và Thể thao	101	15	7	123	Thay thế 3694
9	1191/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	Công bố thủ tục hành chính Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp	2	1	0	3	Bãi bỏ 2 TTHC tại QĐ 4824



10	1245/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp Nghệ An	Sở Tư pháp	2	18	25	45	
11	1095/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	Công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Lao động	0	1	0	1	
12	1325/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	0	0	1	
13	1628/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	Về việc công bố Danh mục các thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ và Quy trình nội bộ, Quy trình điện tử giải quyết các thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1	0	5	6	Bãi bỏ 2 TTHC
14	1767/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	Sở Tư pháp	2	0	0	2	SD bs 2 TTHC của 3729
15	1796/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	20	7	4	31	SD bs 2143, 2479; bãi bỏ 4390, 2662



		ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An						
16	1723/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	18	2	0	20	4 bh mới, 16 sd bs
17	1906/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	Thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai cấp tỉnh, huyện, xã thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Tài nguyên và Môi trường	31	4	1	36	
18	2085/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	công bố danh mục Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch năm 2023	Sở Du lịch	8	0	0	8	
19	2109/QĐ-UBND	công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An	Sở Thông tin và Truyền thông	2	0	0	2	
20	2241/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	0	0	3	



21	2240/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	2	0	0	2	
22	2409/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0	3	0	3	Đặc thù
23	2455/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong Lĩnh vực Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Công Thương	124	14	2	140	
24	2532/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Ngoại vụ tỉnh Nghệ An	Sở Ngoại vụ	01	0	0	1	Thay thế thủ tục hành chính thứ 5 Mục II Quyết định số 3211/QĐ-UBND
25	2560/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	Công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam	Ban quản lý KKT Đông Nam	23	0	0	23	



26	2579/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giao thông vận tải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An	Sở Giao thông vận tải tỉnh	118	8	8	134	
27	2957/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính về lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An	Sở Văn hoá và Thể thao	2	0	0	2	Thay thế 02 TTHC tại QĐ 1183
28	2936/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	2	3	2	7	
29	2957/QĐ-UBND	Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính về lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An	Sở Văn hoá và Thể thao	2	0	0	2	
30	3072/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	Công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền quản lý của Sở tài nguyên và Môi trường		12	5	0	17	
31	3168/QĐ-UBND	Công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam	KKT Đông Nam	3	0	0	3	



32	3224/QĐ-UBND	Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15	0	1	16	
33	3234/QĐ-UBND	Công bố danh mục thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Tài chính	12	1	0	13	
34	3316/QĐ-UBND ngày	Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; lĩnh vực Đầu tư theo đối tác công tư (PPP) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện trên địa bàn Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	5	0	4	
35	3351/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính; quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính Lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Du lịch Nghệ An	Sở Du lịch	01	0	0	1	
36	3354/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	Công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	60	12	01	73	
37	3481/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	Công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Tài nguyên và Môi trường	01	0	0	1	



38	3496/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực nội vụ trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Nội vụ	7	0	0	7	7 TTHC nhưng thực hiện cả cấp huyện
39	3570/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	01	0	0	1	
40	3571/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	Công bố danh mục thủ tục hành chính về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	01	0	0	1	
				<b>605</b>	<b>114</b>	<b>61</b>	<b>780</b>	



**Phụ lục 04**  
**Tình hình cung cấp thông tin lên hệ thống Cổng TTĐT Nghệ An**  
**Tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 05/11/2023)**  
*(Kèm theo Báo cáo số 87/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

**1. Danh sách các đơn vị có cổng thành phần (Subportal)**

TT	Đơn vị	Tổng Số tin bài/văn bản cập nhật	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội</b>		
1	Văn phòng UBND tỉnh	1240	
2	Sở Y tế	1078	
3	Tài nguyên và Môi trường	1025	
4	Đảng ủy Khối doanh nghiệp	814	
5	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	743	
6	Sở Nông nghiệp và PTNT	702	
7	Sở Ngoại vụ	584	
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	571	
9	Sở Du lịch	526	
10	Đảng ủy khối CCQ tỉnh	430	
11	Sở TT và TT	358	
12	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam	287	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	281	
14	Sở Giao thông vận tải	270	
15	Chi cục Thủy lợi	251	
16	Hội CCB tỉnh	203	
17	Sở Tư pháp	182	
18	Sở Tài chính	164	
19	Sở Công Thương	158	
20	Sở Nội vụ	155	
21	Cục Thống kê	132	
22	Sở Xây dựng	130	
23	Liên minh HTX tỉnh	128	
24	Sở Văn hóa và Thể thao	97	



<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tổng Số tin bài/văn bản cập nhật</b>	<b>Ghi chú</b>
25	Hội Phụ nữ tỉnh	92	
26	Sở Lao động - TB và XH	58	
27	Thanh Tra tỉnh	44	
28	Ban Dân tộc	43	
29	Hội chữ thập đỏ	43	
30	Hội Khuyến học	35	
31	Liên đoàn Lao động tỉnh	4	
<b>II</b>	<b>Các huyện, thành phố, thị xã</b>		
1	Huyện Yên Thành	2153	
2	Huyện Con Cuông	1400	
3	Huyện Nam Đàn	998	
4	Huyện Hưng Nguyên	972	
5	Huyện Đô Lương	971	
6	Huyện Diễn Châu	951	
7	Huyện Anh Sơn	900	
8	Huyện Tân Kỳ	873	
9	Huyện Quỳnh Lưu	871	
10	Huyện Quế Phong	766	
11	Huyện Nghĩa Đàn	716	
12	Thành phố Vinh	683	
13	Huyện Kỳ Sơn	619	
14	Huyện Thanh Chương	551	
15	Thị xã Hoàng Mai	519	
16	Thị xã Thái Hòa	470	
17	Huyện Quỳnh Hợp	440	
18	Huyện Quỳnh Châu	425	
19	Huyện Nghi Lộc	402	
20	Huyện Tương Dương	236	
<b>Tổng Cộng</b>		<b>26.744</b>	



**Phụ lục 05a****Bảng thống kê số lượng TTHC cung cấp trên Hệ thống thông tin  
giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An**

Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	TÊN CƠ QUAN	SỐ THỦ TỤC	Dịch vụ công một phần	Dịch vụ công toàn trình
1	BQL Khu kinh tế Đông Nam	38	23	15
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	24	24	0
3	Công an tỉnh	10	10	0
4	Sở Công Thương	126	17	109
5	Sở Du lịch	26	0	26
6	Sở Giao thông vận tải	118	30	88
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	74	52	22
8	Sở Khoa học và Công nghệ	26	23	3
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	124	71	53
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	119	100	19
11	Sở Ngoại vụ	9	4	5
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	105	31	74
13	Sở Nội vụ	93	12	81
14	Sở Thông tin và Truyền thông	37	10	27
15	Sở Tài chính	11	9	2
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	100	74	26
17	Sở Tư pháp	118	18	100
18	Sở Văn hóa và Thể thao	101	8	93
19	Sở Xây dựng	60	24	36
20	Sở Y tế	81	8	73
<b>Cấp tỉnh</b>		<b>1400</b>	<b>548</b>	<b>852</b>
<b>UBND Cấp Huyện</b>		<b>256</b>	<b>146</b>	<b>110</b>
<b>UBND Cấp xã</b>		<b>147</b>	<b>115</b>	<b>32</b>
<b>Tổng</b>		<b>1803</b>	<b>809</b>	<b>994</b>



**Phụ lục 05b**  
**Bảng thống kê tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ tại các đơn vị năm 2023**

*Kèm theo Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 20. tháng 11 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

**a. Bảng thống kê theo các cấp**

TT	Kết quả giải quyết TTHC	Đơn vị tính	Kết quả
1	<b>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các Sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn</b>	%	89,3
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	792.555
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	707.470
2	<b>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn</b>	%	33,2
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	93.421
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	30.980
3	<b>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn</b>	%	96,9
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	869.732
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	842.438



**b. Bảng thống kê chi tiết theo đơn vị**

STT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý		Đang xử lý		Ghi chú Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn đã xử lý so với tổng số hồ sơ tiếp nhận của cơ quan đơn vị năm 2023
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn	
				Trực tiếp	Trực tuyến					
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9	10	11=8/3*100
<b>I</b>	<b>SỞ, BAN, NGÀNH</b>									
1	Sở Tư pháp	75.044	1.363	49.543	24.138	67.199	5.293	2.226	230	7,05
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	66.261	143	61.075	5.043	51.133	3.411	3.226	887	5,15
3	Sở Giao thông vận tải	59.219	1.489	50.276	7.454	58.038	26	687	1	0,04
4	Sở Công Thương	30.752	22	2.260	28.470	30.712	0	19	0	0
5	Bảo hiểm xã hội Nghệ An	14.208	37	14.148	23	14.159	2	47	0	0,01
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12.355	84	11.210	1.061	12.144	3	51	0	0,02
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	12.176	188	11.640	348	11.767	36	332	0	0,3



STT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý		Đang xử lý		Ghi chú Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn đã xử lý so với tổng số hồ sơ tiếp nhận của cơ quan đơn vị năm 2023
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn	
				Trực tiếp	Trực tuyến					
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9	10	11=8/3*100
8	Sở Y tế	4.922	350	773	3.799	4.257	15	489	0	0,3
9	Sở Xây dựng	1.694	76	1.497	121	1.573	3	118	0	0,18
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.552	8	1.054	490	1.444	43	9	1	2,77
11	Sở Nội vụ	794	212	402	180	650	0	110	0	0
12	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	793	38	327	428	766	4	4	0	0,5
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	523	1	518	4	89	9	61	92	1,72
14	Sở Tài chính	516	11	45	460	510	0	2	0	0
15	Sở Văn hóa và Thể thao	467	2	84	381	455	0	7	0	0
16	Sở Khoa học và Công nghệ	157	2	87	68	143	3	2	0	1,91
17	Sở Thông tin và Truyền thông	141	7	105	29	130	4	4	0	2,84



STT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý		Đang xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn	Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn đã xử lý so với tổng số hồ sơ tiếp nhận của cơ quan đơn vị năm 2023
				Trực tiếp	Trực tuyến					
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9	10	11=8/3*100
18	Sở Du lịch	135	1	101	33	132	0	2	0	0
19	Công an tỉnh Nghệ An	86	0	86	0	86	0	0	0	0
20	Sở Ngoại vụ	38	0	33	5	27	0	4	0	0
<b>II</b>	<b>HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ</b>									
1	UBND thành phố Vinh	88.437	59.161	11.528	17.748	25.850	60.575	337	856	68,5
2	UBND huyện Yên Thành	69.052	66	20.921	48.065	66.939	1.805	95	1	2,61
3	UBND huyện Nghi Lộc	58.005	412	23.018	34.575	54.419	2.609	241	18	4,5
4	UBND huyện Quỳnh Lưu	38.211	941	10.575	26.695	35.451	2.121	222	22	5,55
5	UBND huyện Diễn Châu	33.463	283	16.612	16.568	30.646	2.158	222	203	6,45
6	UBND huyện Nghĩa Đàn	30.113	141	19.272	10.700	28.992	465	35	4	1,54
7	UBND huyện Đô Lương	27.304	10	6.064	21.230	26.868	265	35	4	0,97
8	UBND huyện Quỳnh Hợp	22.972	52	13.744	9.176	22.398	148	58	11	0,64



STT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý		Đang xử lý		Ghi chú Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn đã xử lý so với tổng số hồ sơ tiếp nhận của cơ quan đơn vị năm 2023
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn	
				Trực tiếp	Trực tuyến					
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9	10	11=8/3*100
9	UBND huyện Nam Đàn	21.524	87	12.613	8.824	20.607	696	53	132	3,23
10	UBND huyện Tân Kỳ	21.371	42	15.003	6.326	20.350	918	36	45	4,3
11	UBND huyện Thanh Chương	20.533	118	1.326	19.089	19.266	823	100	32	4,01
12	UBND huyện Hưng Nguyên	19.883	355	8.673	10.855	18.566	1.159	50	0	5,83
13	UBND huyện Anh Sơn	19.474	7	13.326	6.141	19.008	340	45	16	1,75
14	UBND huyện Quỳnh Châu	14.391	31	9.393	4.967	13.797	270	147	10	1,88
15	UBND thị xã Thái Hòa	13.610	185	6.298	7.127	13.232	232	27	6	1,7
16	UBND thị xã Hoàng Mai	12.957	63	3.115	9.779	12.359	286	173	43	2,21
17	UBND huyện Con Cuông	12.031	71	8.526	3.434	11.385	491	44	61	4,08
18	UBND huyện Quế Phong	4.587	12	1.741	2.834	4.318	151	59	13	3,29



STT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý		Đang xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn	Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn đã xử lý so với tổng số hồ sơ tiếp nhận của cơ quan đơn vị năm 2023
				Trực tiếp	Trực tuyến					
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9	10	11=8/3*100
19	UBND huyện Tương Dương	4.361	25	2.658	1.678	3.931	257	7	18	5,89
20	UBND thị xã Cửa Lò	3.478	137	1.662	1.679	3.071	277	21	5	7,96
21	UBND huyện Kỳ Sơn	815	1	111	703	748	42	5	14	5,15
<b>Tổng</b>		<b>818.405</b>	<b>66.234</b>	<b>411.443</b>	<b>340.728</b>	<b>707.615</b>	<b>84.940</b>	<b>9.412</b>	<b>2.725</b>	



**Phụ lục số 06**

**Tình hình số hóa hồ sơ thủ tục hành chính của các đơn vị**

*Kèm theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận					Số hoá kết quả giải quyết TTHC			
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hoá TPHS	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
<b>I</b>	<b>SỞ, BAN, NGÀNH</b>									
1	Sở Công thương	30.730	0	30.730	30.549	99,41	30.712	1	30.711	100
2	Sở Du lịch	135	3	132	120	88,89	132	0	132	100
3	Sở Giao thông vận tải	8.610	24	8.586	3.011	34,97	58.064	57.135	929	1,6
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.549	35	1.514	756	48,81	1.487	1.083	404	27,17
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	574	550	24	19	3,31	98	74	24	24,49
6	Sở Khoa học và Công nghệ	155	4	151	104	67,1	146	16	130	89,04



STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận					Số hoá kết quả giải quyết TTHC			
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hoá TPHS	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	10.809	46	10.763	1.791	16,57	10.689	792	9.897	92,59
8	Sở Ngoại vụ	41	2	39	30	73,17	27	1	26	96,3
9	Sở Nội vụ	591	15	576	453	76,65	650	151	499	76,77
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12.321	374	11.947	11.810	95,85	12.147	9.328	2.819	23,21
11	Sở Tài chính	505	7	498	495	98,02	510	1	509	99,8
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	67.169	52.678	14.491	11.051	16,45	54.544	37.877	16.667	30,56
13	Sở Thông tin và Truyền thông	137	0	137	119	86,86	134	0	134	100
14	Sở Tư pháp	73.876	1.297	72.579	44.402	60,1	72.492	40.257	32.235	44,47
15	Sở Văn hóa và Thể thao	468	1	467	206	44,02	455	0	455	100



STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá hồ sơ TTTC khi Tiếp nhận					Số hoá kết quả giải quyết TTTC			
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hoá TPHS	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTTC	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
16	Sở Xây dựng	1.618	1	1.617	911	56,3	1.576	10	1.566	99,37
17	Sở Y tế	4.575	63	4.512	3.022	66,05	4.272	2.111	2.161	50,59
18	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	759	46	713	480	63,24	770	0	770	100
19	Công an tỉnh Nghệ An	87	87	0	0	0	86	86	0	0
20	Bảo hiểm xã hội Nghệ An	14.171	14.147	24	24	0,17	14.161	14.161	0	0
<b>II</b>	<b>HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ</b>									
1	UBND huyện Anh Sơn	19.575	12.794	6.781	4.145	21,17	19.348	18.486	862	4,46
2	UBND huyện Con Cuông	11.979	9.621	2.358	1.505	12,56	11.876	11.644	232	1,95
3	UBND huyện Đô Lương	27.327	11.709	15.618	11.965	43,78	27.133	26.117	1.016	3,74
4	UBND huyện Diễn Châu	33.343	11.437	21.906	12.901	38,69	32.804	28.894	3.910	11,92



STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận					Số hoá kết quả giải quyết TTHC			
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hoá TPHS	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
5	UBND huyện Hưng Nguyên	19.546	9.464	10.082	6.588	33,71	19.730	16.952	2.778	14,08
6	UBND huyện Kỳ Sơn	820	203	617	290	35,37	790	786	4	0,51
7	UBND huyện Nam Đàn	21.484	14.491	6.993	4.854	22,59	21.303	20.941	362	1,7
8	UBND huyện Nghi Lộc	57.843	17.818	40.025	38.072	65,82	57.028	43.933	13.095	22,96
9	UBND huyện Nghĩa Đàn	30.222	24.264	5.958	3.388	11,21	29.457	28.712	745	2,53
10	UBND huyện Quế Phong	4.600	3.816	784	694	15,09	4.469	4.299	170	3,8
11	UBND huyện Quỳnh Châu	14.593	7.970	6.623	5.577	38,22	14.067	10.994	3.073	21,85
12	UBND huyện Quỳnh Hợp	23.034	12.187	10.847	8.390	36,42	22.546	22.048	498	2,21
13	UBND huyện Quỳnh Lưu	37.422	14.246	23.176	16.275	43,49	37.572	35.697	1.875	4,99
14	UBND huyện Tân Kỳ	21.369	17.912	3.457	2.208	10,33	21.268	21.098	170	0,8



STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận				Số hoá kết quả giải quyết TTHC				
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hoá TPHS	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
15	UBND huyện Thanh Chương	20.500	2.264	18.236	9.278	45,26	20.090	17.416	2.674	13,31
16	UBND huyện Tương Dương	4.351	2.542	1.809	1.190	27,35	4.188	4.129	59	1,41
17	UBND huyện Yên Thành	69.602	27.825	41.777	39.477	56,72	68.744	32.931	35.813	52,1
18	UBND thành phố Vinh	29.536	16.528	13.008	7.209	24,41	86.425	85.771	654	0,76
19	UBND thị xã Cửa Lò	3.388	1.944	1.444	1.087	32,08	3.348	3.287	61	1,82
20	UBND thị xã Hoàng Mai	12.933	7.987	4.946	2.878	22,25	12.645	12.199	446	3,53
21	UBND thị xã Thái Hòa	13.509	6.614	6.895	2.523	18,68	13.464	13.300	164	1,22
<b>Tổng</b>		<b>705.856</b>	<b>303.016</b>	<b>402.840</b>	<b>289.847</b>	<b>41,06</b>	<b>791.447</b>	<b>622.718</b>	<b>168.729</b>	<b>21,32</b>